



VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
**VINACOMIN – COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam

\* Website: [coalimex.vn](http://coalimex.vn)

Tel: (024) 3.9424 634 \* Fax: (024) 3.9422 350

Hanoi, June 4<sup>th</sup> 2026

Ref: ~~34~~-2026 LOI/SLT-XNKT

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**  
**LETTER OF INQUIRY**

Kính gửi: Quý Công ty

To: *Whom It May Concern*

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex) hiện đang có nhu cầu thu thập thông tin về giá than nhập khẩu có nhiệt năng tịnh điển hình 4.800 kcal/kg (cơ sở nhận) nhằm phục vụ công tác nghiên cứu thị trường.

*Vinacomin – Coal Import Export Joint Stock Company (Coalimex) is seeking indicative price information for imported coal with a typical Net Calorific Value of 4,800 kcal/kg (as received basis) for market research purposes.*

Trân trọng kính mời Quý Công ty quan tâm gửi báo giá cho chúng tôi, với các nội dung cụ thể như sau:

*We hereby invite interested Suppliers to submit quotations as follows:*

1. Thông tin yêu cầu báo giá được quy định tại Phụ lục I đính kèm/ *The requested quotation information is specified in the attached Appendix I.*
2. Báo giá điền theo Mẫu Báo giá quy định tại Phụ lục II đính kèm/ *Quotation shall be fully completed in accordance with the Quotation Form specified in the attached Appendix II.*
3. Thời hạn nhận báo giá/ *Quotation submission deadline:*

16h30 (Giờ Hà Nội) ngày 08/06/2026/ *No later than 16h30 (Hanoi time), June 08<sup>th</sup>, 2026.*

4. Báo giá được ký và đóng dấu (Bản scan hoặc bản gốc) vui lòng gửi về/ *The signed and stamped quotations (scanned copies or originals) shall be submitted to:*

• Email: [camgiang@coalimex.vn](mailto:camgiang@coalimex.vn); [vieta@coalimex.vn](mailto:vieta@coalimex.vn) hoặc/ or

• Địa chỉ: Phòng Xuất Nhập khẩu Than - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, số 47 Phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *Address: Import Export Department - Vinacomin – Coal Import Export Joint Stock Company, No. 47 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi, Vietnam.*



VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
**VINACOMIN – COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam

\* Website: [coalimex.vn](http://coalimex.vn)

Tel: (024) 3.9424 634 \* Fax: (024) 3.9422 350

---

Bản scan báo giá được xem là bản gốc và có giá trị pháp lý tương đương bản gốc/  
*The scanned copy shall be treated as original and shall have the same validity as the original document.*

Trong trường hợp Quý Công ty cần thêm thông tin hoặc có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng liên hệ với Coalimex qua địa chỉ email: [camgiang@coalimex.vn](mailto:camgiang@coalimex.vn)/ *Should Suppliers require any further information or have any questions, please contact Coalimex via email at [camgiang@coalimex.vn](mailto:camgiang@coalimex.vn).*

Trân trọng,

*Sincerely yours,*

**ĐẠI DIỆN COALIMEX  
ON BEHALF OF COALIMEX**



**PHẠM MINH  
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**



VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
**VINACOMIN – COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam

\* Website: [coalimex.vn](http://coalimex.vn)

Tel: (024) 3.9424 634 \* Fax: (024) 3.9422 350

**APPENDIX**  
**INFORMATION FOR QUOTATION**  
**PHỤ LỤC**  
**THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ**

1. Hàng hoá <i>Commodity</i>	Than có nhiệt năng tịnh điển hình 4.800 kcal/kg cơ sở nhận. <i>Coal with typical Net Calorific value of 4,800 kcal/kg as received basis.</i>			
2. Khối lượng <i>Quantity</i>	100.000 tấn +/-10% <i>100,000 MT +/-10%</i>			
3. Thông số kỹ thuật than <i>Coal Specifications</i>	Theo tiêu chuẩn ISO - Cơ sở nhận (ARB), Cơ sở khí khô (ADB), Cơ sở khô (DB). <i>According to ISO standards - on As Received Basis (ARB), Air Dried Basis (ADB), Dry Basis (DB).</i>			
	<b>Chỉ tiêu</b> <i>Parameters</i>	<b>Cơ sở</b> <i>Basis</i>	<b>Điển hình</b> <i>Typical</i>	
			<b>Từ chối</b> <i>Rejection</i>	
	Tổng ẩm <i>Total Moisture</i>	ARB	10% 10%	> 13% > 13%
	Nội ẩm <i>Inherent Moisture</i>	ADB	1,5% - 2,0% 1.5% - 2.0%	Không áp dụng <i>Not applicable</i>
	Độ tro <i>Ash</i>	ADB	35% -37% 35% - 37%	Không áp dụng <i>Not applicable</i>
	Lưu huỳnh <i>Total Sulphur</i>	ADB	1% 1%	> 1,2% > 1.2%
	Chất bốc <i>Volatile Matter</i>	ADB	8% - 9% 8% - 9%	> 10% > 10%
	Nhiệt năng tịnh <i>Net Calorific Value</i>	ARB	4.800 kcal/kg 4,800 kcal/kg	< 4.500 kcal/kg < 4,500 kcal/kg



VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
**VINACOMIN – COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam

\* Website: [coalimex.vn](http://coalimex.vn)

Tel: (024) 3.9424 634 \* Fax: (024) 3.9422 350

	H trong than <i>H in coal</i>	ADB	3,0% 3.0%	> 3,5% > 3.5%
	Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> trong tro than <i>Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> in ash</i>	DB	4% - 6% 4% - 6%	> 8% > 8%
	Cỡ hạt 0-50mm <i>Size 0-50mm</i>		95% 95%	Không áp dụng <i>Not applicable</i>
	Nhiệt độ nóng chảy của tro than (trong môi trường khử): T1 (Nhiệt độ biến dạng) T3 (Nhiệt độ hình bán cầu) <i>Ash fusion temperature (in reduced environment):</i> T1 (Initial deformation temperature) T3 (Hemispherical temperature)		T1 ≥ 1250°C T3 ≥ 1400°C T1 ≥ 1250°C T3 ≥ 1400°C	T1 < 1250°C T3 < 1400°C T1 < 1250°C T3 < 1400°C
4. Kế hoạch giao hàng <i>Delivery schedule</i>	- Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng: Tháng 7-8 năm 2026. <i>Delivery schedule at discharging port: July - August 2026.</i>			
5. Cảng dỡ hàng <i>Discharging port</i>	Cảng Cẩm Phả và/hoặc vùng neo Hòn Miều, Quảng Ninh, Việt Nam (Phù hợp với quy định của cảng vụ theo từng thời điểm). <i>Cam Pha port and/or Hon Mieu Anchorage, Quang Ninh, Vietnam (Depend on port authority regulations from time to time).</i>			
6. Đơn giá <i>Unit price</i>	Đơn giá than CFR, không bao gồm chi phí dỡ hàng. <i>CFR unit, not including discharging fee.</i>			
7. Điều chỉnh giá <i>Price Adjustment</i>	Nếu Nhiệt năng tịnh (ARB) thực tế được xác định trong Chứng thư chất lượng tại cảng xếp hàng khác với 4.800 kcal/kg, nhưng trong khoảng từ 4.500 kcal/kg đến 5.000 kcal/kg thì đơn giá CFR sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:			



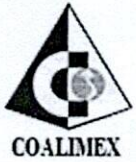
VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
**VINACOMIN – COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam

\* Website: [coalimex.vn](http://coalimex.vn)

Tel: (024) 3.9424 634 \* Fax: (024) 3.9422 350

	<p><i>If the actual Net Calorific Value (ARB) on the Certificate of Analysis at loading port is different from 4,800 kcal/kg, but within the range of 4,500 kcal/kg – 5,000 kcal/kg, then the CFR unit price shall be adjusted using the following formula:</i></p> <p><i>Đơn giá CFR điều chỉnh = Đơn giá FOB x Nhiệt năng tịnh thực tế (ARB) / 4.800 kcal/kg + đơn giá Cước vận chuyển</i></p> <p><i>Adjusted CFR unit price = FOB unit price x Actual Net Calorific Value (ARB) / 4,800 kcal/kg + Freight unit price</i></p> <p><i>Nhiệt năng tịnh (ARB) được giới hạn ở mức 5.000 kcal/kg. Nghĩa là, nếu Nhiệt năng tịnh (ARB) tại cảng xếp hàng cao hơn 5.000 kcal/kg thì sẽ được tính như là 5.000 kcal/kg.</i></p> <p><i>Net Calorific Value (ARB) to be capped at 5,000 kcal/kg, which means in case Net Calorific Value (ARB) at loading port exceeds 5,000 kcal/kg, it shall be calculated as 5,000 kcal/kg.</i></p>
8. Tốc độ dỡ hàng <i>Discharging rate</i>	<p>7.000 tấn/ngày trong 24 giờ liên tục bao gồm cả Thứ bảy và Chủ Nhật, trừ một số ngày lễ lớn theo lịch Việt Nam.</p> <p><i>7,000 MT/day for 24 consecutive hours including Saturdays and Sundays, excluding the major holidays according to calendar in Vietnam.</i></p>
9. Phạt/thưởng dỡ hàng <i>Demurrage/Despatch rate</i>	<p>Không vượt quá 15.000/7.500 USD/ngày.</p> <p><i>Not exceeding 15,000/7,500 USD per day.</i></p>
10. Điều khoản thanh toán <i>Payment term</i>	<p>L/C cho 80% giá trị hợp đồng và 20% còn lại bằng T/T sau khi hoàn thành dỡ hàng.</p> <p><i>L/C for 80% of contract value and the remaining 20% by T/T after discharging completed.</i></p>



VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
**VINACOMIN – COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam

\* Website: [coalimex.vn](http://coalimex.vn)

Tel: (024) 3.9424 634 \* Fax: (024) 3.9422 350

**PHỤ LỤC II**  
**MẪU: BÁO GIÁ**  
**APPENDIX II**  
**FORM: QUOTATION**

Ngày: \_\_\_\_ [ghi ngày tháng năm của Báo giá]

Date: \_\_\_\_ [insert date, month, year of the Quotation]

Thư mời Báo giá số: \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời Báo giá]

Letter of Inquiry No. \_\_\_\_ [insert number of the Letter of Inquiry]

Chúng tôi/ We, \_\_\_\_ [Tên Công ty/ Company name] xin báo giá như sau/ hereby submit the quotation as follows:

- Hàng hóa: Than có nhiệt năng tịnh điển hình \_\_\_\_ kcal/kg cơ sở nhận  
*Commodity: Coal with typical Net Calorific value of \_\_\_\_ kcal/kg as received basis.*
- Khối lượng/ *Quantity:* \_\_\_\_
- Xuất xứ/ *Origin:* \_\_\_\_
- Giá chào/ *Quotation Price:*  
CFR cảng dỡ hàng/ *CFR discharging port* (Incoterms 2020): \_\_\_\_ USD/MT,  
trong đó/ *in which:*
  - FOB: \_\_\_\_ USD/MT
  - Cước vận chuyển/ *Freight:* \_\_\_\_ USD/MTKhông bao gồm chi phí dỡ hàng/ *Not including the discharging fee.*
- Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng/ *Delivery schedule at discharging port:* \_\_\_\_
- Cảng dỡ hàng/ *Discharging port:* \_\_\_\_
- Chất lượng hàng hóa/ *Coal specifications:* \_\_\_\_
- Tốc độ dỡ hàng/ *Discharging rate:* \_\_\_\_ tấn/ngày/ \_\_\_\_
- Phạt/thưởng dỡ hàng/ *Demurrage/Despatch rate:* \_\_\_\_
- Điều khoản thanh toán/ *Payment terms:* \_\_\_\_

**Đại diện hợp pháp của NCC**

**Legal representative of the Applicant**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Full name, position, signature and seal]